

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2013 - 2014

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

20/05/2014

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
1	342205	Nguyễn Đình Chí	3422	5	16	12	17	34	250	115	365	
2	340253	Cao Xuân Trường	3402	6	14	13	6	38	180	140	320	
3	341532	Nguyễn Văn Thành	3415	7	14	8	13	31	195	95	290	
4	341029	Trương Quỳnh Anh	3410	7	13	9	15	26	210	65	275	
5	342549	Nguyễn Bá Dũng	3425	1	13	11	9	20	150	30	180	
6	351729	Lưu Thị Yến	3517	9	19	21	24	60	395	270	665	10.0
7	351065	Nguyễn Thị Kiều Trang	3510	9	24	15	16	47	340	195	535	9.5
8	350407	Bùi Thị Hoà	3504	6	14	23	20	46	330	190	520	9.0
9	350225	Đặng Thị Huyền	3502	3	16	16	18	51	270	220	490	8.5
10	350405	Phạm Quang Thành	3504	4	13	8	9	68	150	325	475	8.5
11	350424	Nguyễn Thị Huyền	3504	6	14	16	18	47	275	195	470	8.0
12	350108	Phạm Thị Thuỷ Trang	3501	6	20	14	14	40	275	150	425	
13	350366	Trịnh Thị Khánh Ly	3503	7	11	15	17	44	250	175	425	
14	350431	Vũ Thị Thanh	3504	6	17	10	15	44	240	175	415	
15	351415	Đào Thị Mai Linh	3514	9	14	15	8	44	220	175	395	
16	351262	Phạm Thu Hiền	3512	7	13	15	15	38	250	140	390	
17	350728	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	3507	6	13	13	13	41	215	160	375	
18	351442	Đào Hoàng Oanh	3514	6	12	14	13	39	215	145	360	
19	350613	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	3506	8	15	11	12	36	220	125	345	
20	351249	Lý Thu Trang	3512	6	13	16	13	32	240	100	340	
21	351308	Bùi Thị Thu Trang	3513	6	15	6	10	41	170	160	330	
22	HS33B050	Đặng Thế Anh	3501	5	10	13	12	38	185	140	325	
23	350919	Đặng Thị Minh Tâm	3509	5	15	12	11	30	200	90	290	
24	350334	Nguyễn Lê Phương Thuỷ	3503	5	16	8	11	32	185	100	285	
25	352628	Bùi Tố Liên	3526	5	13	10	11	31	180	95	275	
26	352528	Trần Thị Thoa	3525	2	11	10	8	37	135	130	265	
27	351232	Nguyễn Thị Trà Mi	3512	4	9	11	11	28	160	80	240	
28	351312	Nguyễn Thu Hiền	3513	2	11			37	40	130	170	
29	351238	Nguyễn Thị Như Quỳnh	3512									
30	351309	Nguyễn Thanh Hải	3513									
31	352360	Trịnh Thị Sơn	3523									
32	352366	Bùi Phương Trang	3523									
33	360763	Hoàng Thị Ngọc	3607	8	21	29	30	70	485	335	820	10.0
34	360216	Hoàng Bích Trà	3602	9	22	22	16	60	370	270	640	10.0
35	360129	Phạm Thị Hồng Hân	3601	10	28	25	26	36	490	125	615	10.0
36	360555	Nguyễn Ngọc Anh	3605	6	12	17	19	59	275	265	540	9.5
37	362203	Hoàng Hải Yến	3622	4	19	12	13	47	240	195	435	
38	361407	Bùi Thị Thương	3614	6	20	15	17	36	300	125	425	
39	362048	Nguyễn Minh Thảo	3620	3	15	15	15	29	240	85	325	
40	360852	Bùi Thị Tú Anh	3608	4	11	13	11	37	180	130	310	
41	360453	Tạ Thu Hà	3604	4	12	13	9	34	175	115	290	
42	361170	Đỗ Thị Nhân	3611									
43	361227	Nguyễn Quang Huy	3612									
44	361236	Đỗ Văn Chinh	3612									
45	361258	Hoàng Việt Anh	3612									
46	362170	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	3621									
47	372421	Đoàn Minh Tú	3724	8	25	22	20	77	405	380	785	10.0
48	372445	Nguyễn Thị Cách	3724	6	26	25	13	74	380	360	740	10.0

Ca thi : 20/05/2014

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG	ĐIỂM
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)	(100)			ĐIỂM	HỆ 10
49	372833	Phạm Thu Hương	3728	8	23	16	22	70	370	335	705	10.0
50	371526	Hoàng Thu Thảo	3715	9	13	9	17	25	240	60	300	
51	370468	Nguyễn Thị Mai Linh	3704									
52	372336	Nguyễn Thị Hương Giang	3723									

Hà Nội, Ngày tháng năm 2014

TRUNG TÂM TIN HỌC

THANH TRA ĐÀO TẠO

TRUNG TÂM ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

BAN GIÁM HIỆU